

Hạ Long, ngày 27 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
 - Mã chứng khoán : RIC
 - Địa chỉ trụ sở chính : Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 - Điện thoại : 02033.848.777 Fax: 02033.846.728
 - Người thực hiện CBTT : ông Đỗ Trí Vỹ
Chức vụ : Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/03/2019 tại đường dẫn: <http://vn.royalhalonghotel.com/tin-tuc>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TỔNG GIÁM ĐỐC





CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên
Bà Điền Dục Thanh	Ủy viên
Bà Nguyễn Chính Chi	Ủy viên
Bà Lý Tiên Lệ	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, đồng thời lập báo cáo tài chính chuyển đổi từ báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ nói trên theo quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi. Trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính chuyển đổi hay không;
- Lập báo cáo tài chính chuyển đổi trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính chuyển đổi tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Số: 730 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi. Báo cáo tài chính chuyển đổi này đã được Ban Giám đốc Công ty lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính chuyển đổi dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính chuyển đổi bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính chuyển đổi. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính chuyển đổi do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính chuyển đổi.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200.

Chính sách kế toán và giới hạn về đối tượng sử dụng báo cáo kiểm toán

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính chuyển đổi đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi mô tả cơ sở kế toán cho việc chuyển đổi báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính chuyển đổi này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 200 trong việc công bố ra công chúng và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, báo cáo tài chính chuyển đổi này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán đề ngày 26 tháng 3 năm 2019 về báo cáo tài chính đó với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

Tào Hải Nhân
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1576-2018-001

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		190.651.610.070	143.021.270.025
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	116.729.083.620	92.809.409.900
1. Tiền	111		97.420.013.695	42.423.700.550
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.309.069.925	50.385.709.350
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.495.870.985	41.290.857.550
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	45.437.475.715	33.568.840.950
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.322.512.715	7.498.871.925
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.013.862.555	223.144.675
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(277.980.000)	-
III. Hàng tồn kho	140	8	19.209.738.405	8.814.951.600
1. Hàng tồn kho	141		19.209.738.405	9.074.829.775
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(259.878.175)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		216.917.060	106.050.975
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		216.917.060	106.050.975
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		965.231.506.055	983.393.707.600
I. Tài sản cố định	220		857.001.660.935	894.409.230.075
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	844.421.838.190	876.579.106.625
- Nguyên giá	222		1.246.002.888.555	1.212.437.805.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(401.581.050.365)	(335.858.698.750)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	12.579.822.745	17.830.123.450
- Nguyên giá	228		103.799.631.530	101.603.999.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(91.219.808.785)	(83.773.875.900)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		89.438.605.605	68.101.618.825
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	89.438.605.605	68.101.618.825
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.715.655.815	9.510.144.425
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	9.715.655.815	9.510.144.425
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.075.583.700	11.372.714.275
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.550.416.775	5.285.791.925
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		55.596.000	408.558.150
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		4.469.570.925	5.678.364.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.155.883.116.125	1.126.414.977.625

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		200.899.620.750	208.732.921.175
I. Nợ ngắn hạn	310		166.845.680.850	132.016.956.475
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	11.211.141.885	13.916.169.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	487.067.290	26.140.828.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	47.835.192.205	7.725.123.075
4. Phải trả người lao động	314		11.468.134.395	8.955.581.950
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		332.973.710	332.460.850
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	24.474.702.770	15.329.637.825
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	71.036.468.595	59.617.155.350
II. Nợ dài hạn	330		34.053.939.900	76.715.964.700
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	26.536.271.945	59.987.460.775
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	7.517.667.955	14.685.667.825
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	2.042.836.100
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		954.983.495.375	917.682.056.450
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	954.983.495.375	917.682.056.450
1. Vốn điều lệ	411		703.687.540.000	703.687.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.687.540.000	703.687.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		314.224.155.700	294.286.725.438
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.206.193.409	11.206.193.409
5. (Lỗ) lũy kế	421		(155.497.498.934)	(172.861.507.597)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(172.895.542.597)	(40.226.159.617)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) năm nay	421b		17.398.043.663	(132.635.347.980)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		1.155.883.116.125	1.126.414.977.625


 Cao Thị Huyền
 Người lập biểu


 Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng


 Đỗ Thị Vỹ
 Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 3 năm 2019


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		288.271.328.345	194.375.790.960
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		288.271.328.345	194.375.790.960
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		217.455.020.783	246.774.125.620
5. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		70.816.307.562	(52.398.334.660)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	6.463.799.342	4.918.511.300
7. Chi phí tài chính	22	22	7.827.796.977	13.479.811.340
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.459.125.673	12.331.946.930
8. Chi phí bán hàng	25	23	21.929.706.799	23.947.956.290
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	44.425.088.708	53.077.242.150
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		3.097.514.420	(137.984.833.140)
11. Thu nhập khác	31	24	18.436.749.331	10.175.012.840
12. Chi phí khác	32		3.776.646.874	3.644.876.220
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		14.660.102.457	6.530.136.620
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		17.757.616.877	(131.454.696.520)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	995.886.790
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	359.573.214	184.764.670
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.398.043.663	(132.635.347.980)
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	26	247	(1.885)


Cao Thị Huyền
Người lập biểu


Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng


Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	17.757.616.877	(131.454.696.520)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	63.921.103.246	62.502.985.810
Các khoản dự phòng	03	(1.797.912.116)	(1.453.090.290)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.112.540.429	106.007.680
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(89.214.125)	1.000.220.580
Chi phí lãi vay	06	6.459.125.673	12.331.946.930
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	87.363.259.984	(56.966.625.810)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(12.038.749.723)	212.990.371.990
Thay đổi hàng tồn kho	10	(7.438.777.346)	5.646.973.750
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.009.000.002)	(44.504.415.590)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.312.817.506	3.578.031.480
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.458.619.167)	(12.436.252.860)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(995.886.790)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51.730.931.252	107.312.196.170
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(33.141.907.799)	(12.826.225.890)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	205.957.130
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.141.907.799)	(12.620.268.760)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	126.006.398.518	135.929.005.690
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(122.026.734.830)	(210.734.940.610)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.979.663.688	(74.805.934.920)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	22.568.687.141	19.885.992.490
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	92.809.409.900	73.052.924.390
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(788.929.141)	60.446.160
Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200	62	2.139.915.720	(189.953.140)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)	70	116.729.083.620	92.809.409.900


Cao Thị Huyền
 Người lập biểu


Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng



Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17 tháng 7 năm 2018, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.315 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.425 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệt theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính chuyển đổi

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính chuyển đổi đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 với một số số liệu được phân loại lại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi

Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo yêu cầu của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của cổ đông, thặng dư vốn cổ phần và vốn khác được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn);
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam theo Thông tư 200 yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cược và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
Hàng giải khát
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
Bình quân gia quyền
Giá đích danh
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
	VND	VND
Tiền mặt	47.995.910.975	26.928.625.925
Tiền gửi ngân hàng	49.424.102.720	15.495.074.625
Các khoản tương đương tiền (*)	19.309.069.925	50.385.709.350
	116.729.083.620	92.809.409.900

(*) Số dư các khoản tương đương tiền cuối năm phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND kỳ hạn 1 tháng và 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,5% - 5,0%/năm.

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.715.655.815	-	9.715.655.815	9.510.144.425	-	9.510.144.425
	9.715.655.815	-	9.715.655.815	9.510.144.425	-	9.510.144.425

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng do không có sự giảm giá.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Đại lý Long Bay	25.658.387.940	12.682.490.300
Khách đoàn Long Bay	6.042.173.280	1.150.869.625
Ông Liu Chung Chi	4.633.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển du lịch Chúng Phát	3.221.927.190	265.773.675
Ông Fu Yu Shing	2.316.500.000	-
Ông Tang Yu Hua	2.316.500.000	-
Đại lý Ta Yang Chen	-	17.875.201.350
Đại lý Chúng Phát	-	381.008.025
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.248.987.305	1.213.497.975
	45.437.475.715	33.568.840.950

7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Đầu tư CPI	1.428.377.065	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	1.335.022.115	-
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Gia Huy	1.243.636.190	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thiên Phúc	1.098.044.165	1.074.817.675
Công ty TNHH Trang trí nội thất Webort	873.042.520	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Pentens	763.750.050	-
Công ty TNHH Dự Thành	513.174.245	2.605.969.725
Công ty Cổ phần Việt Chèo	-	1.166.606.075
Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Đông A	-	1.175.154.550
Khác	1.067.466.365	1.476.323.900
	<u>8.322.512.715</u>	<u>7.498.871.925</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.202.077.580	-	4.638.919.525	-
Hàng hóa	4.007.660.825	-	4.435.910.250	(259.878.175)
	<u>19.209.738.405</u>	<u>-</u>	<u>9.074.829.775</u>	<u>(259.878.175)</u>

Trong năm, Công ty đã ghi giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 259.878.175 VND (năm 2017: 529.244.250 VND) do số hàng tồn kho được trích lập dự phòng năm trước đã được Công ty thanh lý toàn bộ trong năm nay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỐI (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

9. TẶNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	868.260.125.300	264.705.909.250	26.756.477.325	19.170.079.900	33.545.213.600	1.212.437.805.375
Tặng do mua sắm	1.364.158.796	1.335.656.322	-	-	78.255.177	2.778.070.295
Tặng từ XDCB hoàn thành	4.975.661.691	-	-	-	136.134.999	5.111.796.690
Thanh lý trong năm	-	-	(570.348.779)	-	-	(570.348.779)
Chênh lệch tỷ giá	18.801.945.238	5.728.453.888	574.681.744	414.259.720	726.224.384	26.245.564.974
Số dư cuối năm	893.401.891.025	271.770.019.460	26.760.810.290	19.584.339.620	34.485.828.160	1.246.002.888.555

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm	138.758.415.375	145.687.124.425	13.011.073.725	13.161.136.875	25.240.948.350	335.858.698.750
Khấu hao trong năm	20.620.250.651	25.268.202.960	2.874.789.918	3.444.954.513	6.111.846.741	58.320.044.783
Thanh lý trong năm	-	-	(213.883.670)	-	-	(213.883.670)
Chênh lệch tỷ giá	3.125.708.504	3.304.103.230	297.577.222	305.655.852	583.145.694	7.616.190.502
Số dư cuối năm	162.504.374.530	174.259.430.615	15.969.557.195	16.911.747.240	31.935.940.785	401.581.050.365

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số dư cuối năm	730.897.516.495	97.510.588.845	10.791.253.095	2.672.592.380	2.549.887.375	844.421.838.190
Số dư đầu năm	729.501.709.925	119.018.784.825	13.745.403.600	6.008.943.025	8.304.265.250	876.579.106.625

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 17, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 830.437.590.990 VND (31 tháng 12 năm 2017: 811.015.115.075 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời dừng sửa chữa với giá trị còn lại là 3.408.428.605 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 9.942.647.375 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 46.515.458.990 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 35.589.410.200 VND).

10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	99.640.026.900	1.963.972.450	101.603.999.350
Chênh lệch tỷ giá	2.153.191.320	42.440.860	2.195.632.180
Số dư cuối năm	101.793.218.220	2.006.413.310	103.799.631.530
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	82.114.972.900	1.658.903.000	83.773.875.900
Khấu hao trong năm	5.475.076.607	125.981.856	5.601.058.463
Chênh lệch tỷ giá	1.808.248.998	36.625.424	1.844.874.422
Số dư cuối năm	89.398.298.505	1.821.510.280	91.219.808.785
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối năm	12.394.919.715	184.903.030	12.579.822.745
Số dư đầu năm	17.525.054.000	305.069.450	17.830.123.450

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.429.627.975 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.399.387.625 VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động trong năm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	68.101.618.825	54.956.321.240
Tăng trong năm	26.811.319.535	17.385.217.275
Kết chuyển sang tài sản cố định	(5.111.796.690)	-
Giảm khác	(1.955.965.011)	(4.106.941.350)
Chênh lệch tỷ giá	1.593.428.946	(132.978.340)
Số cuối năm	89.438.605.605	68.101.618.825

Chi tiết số dư:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	25.632.396.810	20.101.274.125
+ <i>Mua sắm tài sản cố định</i>	3.209.371.760	2.373.029.450
+ <i>Sửa chữa lớn biệt thự</i>	16.359.980.105	12.335.268.025
+ <i>Dự án mới</i>	6.063.044.945	5.392.976.650
- Câu lạc bộ	4.581.828.515	2.906.753.600
- Nhà đa năng	59.224.380.280	45.093.591.100
	89.438.605.605	68.101.618.825

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Dự Thành	2.011.324.290	2.011.324.290	1.873.068.375	1.873.068.375
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	872.602.385	872.602.385	-	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Đinh Nga	400.430.190	400.430.190	327.472.350	327.472.350
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & An toàn Đông Đô	9.127.010	9.127.010	2.043.607.050	2.043.607.050
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Pacific Links	-	-	1.273.269.275	1.273.269.275
Phải trả cho các đối tượng khác	7.917.658.010	7.917.658.010	8.398.751.975	8.398.751.975
Cộng	11.211.141.885	11.211.141.885	13.916.169.025	13.916.169.025

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (i)	-	25.711.023.775
Khác	487.067.290	429.804.625
	487.067.290	26.140.828.400

(i) Số dư đầu năm phản ánh giá trị nhận ứng trước cho hợp đồng thuê nhà đa năng từ Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ("Diệu Doanh"). Ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty và Diệu Doanh đã ký thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng, theo đó Công ty ghi giảm khoản người mua trả tiền trước, đồng thời ghi tăng khoản phải trả khác Diệu Doanh và khoản thu nhập khác từ bồi thường hợp đồng theo thỏa thuận thanh lý này (xem thêm tại Thuyết minh số 15 và Thuyết minh số 24).

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.001.943.250	25.270.044.800	16.131.571.456	121.234.876	12.261.651.470
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	760.725.966	760.725.966	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.110.115.850	63.294.186.956	35.958.219.297	257.419.666	31.703.503.175
Thuế nhập khẩu	-	1.335.218.885	1.335.218.885	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	613.063.975	4.112.230.122	3.736.863.130	15.563.298	1.003.994.265
Thuế khác	-	3.725.121.400	876.646.771	17.568.666	2.866.043.295
Cộng	7.725.123.075	98.497.528.129	58.799.245.505	411.786.506	47.835.192.205

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	468.002.495	3.446.600
- Công ty TNHH Phát triển du lịch Chúng Phát	468.002.495	-
- Đại lý Kim Long	-	3.446.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.006.700.275	15.326.191.225
+ Phải trả Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (i)	16.915.801.115	-
+ Chip trôi nổi (ii)	2.803.474.630	6.941.815.200
+ Bảo hành xây dựng	2.509.881.420	2.602.273.700
+ Điều chỉnh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (iii)	-	3.764.979.675
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	150.062.870	150.063.150
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	(8.200.410)	23.740.725
+ Khác	1.635.680.650	1.843.318.775
Cộng	<u>24.474.702.770</u>	<u>15.329.637.825</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	26.536.271.945	59.987.460.775
- Đại lý Long Bay	26.536.271.945	25.974.960.775
- Đại lý Đại Dương Thành	-	34.012.500.000
Cộng	<u>26.536.271.945</u>	<u>59.987.460.775</u>

- (i) Phản ánh khoản phải trả Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh theo biên bản thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018 (xem thêm tại Thuyết minh số 13).
- (ii) Số dư đầu năm bao gồm 2.304.596.300 VND là giá trị chip khách cầm từ các năm trước nhưng qua kiểm kê từ năm 2015 đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 số chip này không được sử dụng tại các bàn chơi và cũng không quay lại Công ty. Trong năm, Công ty đã thực hiện ghi giảm giá trị chip trôi nổi và tăng doanh thu với giá trị tương ứng theo Quyết định của Tổng Giám đốc số HG18060101/QĐ-HG ngày 30 tháng 6 năm 2018.
- (iii) Số dư đầu năm thể hiện khoản thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng đã kê khai liên quan đến hoạt động Casino trong năm 2015 và 2016 và được Công ty kê khai điều chỉnh vào năm 2017. Tháng 5 năm 2018, Công ty đã được chấp nhận điều chỉnh giảm nghĩa vụ thuế này theo biên bản làm việc của Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh ngày 08 tháng 5 năm 2018. Theo đó, Công ty đã kết chuyển toàn bộ giá trị trên vào chỉ tiêu "Thu nhập khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỐI (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Số đầu năm VND		Trong năm VND		Số cuối năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	52.909.958.375	52.909.958.375	95.635.861.321	99.752.649.997	1.117.977.146	49.911.146.845
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	-	-	29.420.493.102	14.785.439.669	90.265.282	14.725.318.715
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	6.707.196.975	6.707.196.975	6.659.702.049	7.109.064.963	142.168.974	6.400.003.035
	59.617.155.350	59.617.155.350	131.716.056.472	121.647.154.629	1.350.411.402	71.036.468.595

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 50 tỷ VND tương đương 2,16 triệu USD (tỷ giá 23.165 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 17 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 15 tỷ VND tương đương 648 ngàn USD (tỷ giá 23.165 VND/USD) và hết hiệu lực hạn mức vào ngày 05 tháng 9 năm 2019. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện các khoản giải ngân trong năm và sẽ được trả nợ trong vòng 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm VND		Trong năm VND		Số cuối năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	13.917.688.250	13.917.688.250	-	6.659.702.049	259.681.754	7.517.667.955
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long	767.979.575	767.979.575	-	779.765.987	11.786.412	-
	14.685.667.825	14.685.667.825	-	7.439.468.036	271.468.166	7.517.667.955

- (i) Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,34 triệu USD (tỷ giá 23.165 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.400.003.035	6.707.196.975
Trong năm thứ hai	6.400.003.035	6.707.196.975
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.117.664.920	7.978.470.850
	13.917.670.990	21.392.864.800
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 16)	(6.400.003.035)	(6.707.196.975)
Số phải trả sau 12 tháng	7.517.667.955	14.685.667.825

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỐI (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng	
Số dư đầu năm trước	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(40.192.124.617)	296.746.517.288	1.052.811.231.280	
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(132.635.347.980)	-	(132.635.347.980)	
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(34.035.000)	-	(34.035.000)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(2.459.791.850)	(2.459.791.850)	
Số dư cuối năm trước	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(172.861.507.597)	294.286.725.438	917.682.056.450	
Số dư đầu năm nay	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(172.861.507.597)	294.286.725.438	917.682.056.450	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	17.398.043.663	-	17.398.043.663	
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(34.035.000)	-	(34.035.000)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	19.937.430.262	19.937.430.262	
Số dư cuối năm nay	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(155.497.498.934)	314.224.155.700	954.983.495.375	

Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2017: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp					
		Số cuối năm			Số đầu năm		
		'000 VND	USD	'000 VND quy đổi %	USD	'000 VND quy đổi %	%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52,49	22.219.546	369.386.320	52
Bà Ngô Thu Mật	22.619.800	1.374.987	22.619.800	3,21	-	-	-
Ông Nguyễn Khởi Phát	18.880.920	1.149.924	18.880.920	2,68	-	-	-
Bà Nguyễn Tiểu Mai	17.709.550	1.069.089	17.709.550	2,52	-	-	-
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	-	-	-	-	2.875.859	47.219.530	7
Các nhà đầu tư khác	275.090.950	16.496.324	275.090.950	39,10	17.214.465	287.081.690	41
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100	42.309.870	703.687.540	100

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Công ty bao gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia:

Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia:

Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Năm nay

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	178.276.436.338	109.994.892.007	-	288.271.328.345
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	21.993.089.118	44.943.244.346	-	66.936.333.464
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	15.123.808.700	(12.026.294.280)	-	3.097.514.420
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	5.101.436.340	7.220.979.766	-	12.322.416.106
5. Tài sản bộ phận	257.387.195.270	765.131.054.640	(273.337.849.825)	749.180.400.085
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	406.702.716.040
Tổng tài sản	257.387.195.270	765.131.054.640	(273.337.849.825)	1.155.883.116.125
7. Nợ phải trả bộ phận	379.763.697.405	59.265.752.970	(273.337.849.825)	165.691.600.550
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	35.208.020.200
Tổng Nợ phải trả	379.763.697.405	59.265.752.970	(273.337.849.825)	200.899.620.750

Năm trước

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	67.809.110.380	126.566.680.580	-	194.375.790.960
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	21.338.175.180	41.902.848.260	-	63.241.023.440
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh	(118.020.310.560)	(19.964.522.580)	-	(137.984.833.140)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	4.344.204.710	881.030.010	-	5.225.234.720
5. Tài sản bộ phận	245.876.362.500	764.136.479.950	(287.862.798.350)	722.150.044.100
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	404.264.933.525
Tổng tài sản	245.876.362.500	764.136.479.950	(287.862.798.350)	1.126.414.977.625
7. Nợ phải trả bộ phận	388.619.160.850	67.382.254.450	(287.862.798.350)	168.138.616.950
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	40.594.304.225
Tổng Nợ phải trả	388.619.160.850	67.382.254.450	(287.862.798.350)	208.732.921.175

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	13.121.176.068	14.575.692.960
Chi phí nhân công	156.215.176.117	178.972.888.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.921.103.246	62.502.985.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	50.552.360.859	67.747.756.620
	283.809.816.290	323.799.324.060

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.442.160.720	1.086.329.130
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.199.939.742	1.296.778.880
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.821.698.880	2.535.403.290
	6.463.799.342	4.918.511.300

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	6.459.125.673	12.331.946.930
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.368.671.304	1.147.864.410
	7.827.796.977	13.479.811.340

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	14.455.059.619	15.649.905.630
Chi phí dụng cụ sản xuất	421.620.199	625.222.950
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.204.563.360	1.183.328.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.087.215.129	1.160.638.880
Các chi phí bằng tiền khác	4.761.248.492	5.328.859.950
	21.929.706.799	23.947.956.290
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	32.873.045.205	35.986.181.170
Chi phí dụng cụ sản xuất	814.024.211	1.171.915.810
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.266.311.046	1.137.926.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.283.425.145	5.725.027.350
Các chi phí bằng tiền khác	8.262.471.217	9.198.435.240
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	(2.074.188.116)	-
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(142.243.610)
	44.425.088.708	53.077.242.150

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ phí phục vụ không chi hết của năm 2016 và 2017	-	7.958.585.570
Thu nhập từ bồi thường vi phạm hợp đồng (i)	9.390.920.539	-
Thu nhập từ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (ii)	3.822.761.943	-
Ghi giảm các khoản công nợ phải trả (iii)	2.919.086.170	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	89.214.125	-
Các khoản thu nhập khác	2.214.766.554	2.216.427.270
	18.436.749.331	10.175.012.840

- (i) Phản ánh khoản bồi thường hợp đồng thuê nhà đa năng theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty và Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (xem thêm tại Thuyết minh số 13).
- (ii) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15, tháng 5 năm 2018, Công ty đã được Cục thuế tỉnh Quảng Ninh chấp nhận điều chỉnh giảm nghĩa vụ thuế liên quan đến khoản thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng đã kê khai liên quan đến hoạt động Casino trong năm 2015 và 2016. Theo đó, Công ty đã ghi nhận giá trị này vào chỉ tiêu "Thu nhập khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- (iii) Thể hiện giá trị các khoản phải trả người bán, phải trả tiền bảo hành được ghi giảm theo Quyết định của Tổng Giám đốc ngày 30 tháng 6 năm 2018 do công nợ tồn đọng lâu năm và các nhà cung cấp đã ngừng hoạt động.

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	17.757.616.877	(131.454.696.520)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác	4.440.768.332	6.040.940.220
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.175.013.843	1.817.446.310
Cộng: Giá trị chip trôi nổi cuối năm	1.876.282.408	-
Chuyển lỗ	19.368.144.796	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	(135.678.190.430)
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN nộp thêm từ các năm trước	-	995.886.790
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	359.573.214	184.764.670
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	359.573.214	184.764.670

26. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	17.398.043.663	(132.635.347.980)
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	17.398.043.663	(132.635.347.980)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	247	(1.885)

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
VND	5.215.686.869	65.115.625.295
KRW	1.200.000	1.080.000
JMP	50.641	147.951
THB	-	16.320
NTD	-	2.000
HKD	5.000	1.950
JPY	-	80.000
SGD	50	-

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị đã đầu tư là 59.224.380.280 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 16.322.197.990 VND.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 28.393.224.675 VND (31 tháng 12 năm 2017: 25.145.123.800 VND).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	Công ty mẹ
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Thành viên Hội đồng Quản trị

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.750.737.989	1.670.165.520

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 8.180.905.070 VND (năm 2017: 10.731.283.875 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 8.190.773.360 VND (năm 2017: 7.242.122.900 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

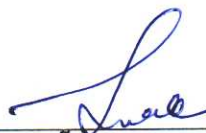
31. THÔNG TIN SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính chuyển đổi năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại lại</u>
	VND	VND	VND
Tiền	92.809.409.900	(50.385.709.350)	42.423.700.550
Các khoản tương đương tiền	-	50.385.709.350	50.385.709.350



Cao Thị Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số: 110 /CV/HG

"V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm
2018 và 2017"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hạ long, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng gia (mã chứng khoán RIC) xin giải trình chênh lệch lợi nhuận năm 2018 và 2017 như sau:

So sánh một số chỉ tiêu tại báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 và 2017 như sau:

ĐVT: VND

TT	Diễn giải	Năm 2018	Năm 2017	Số tiền tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, (giảm) %
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	288,271,328,345	194,375,790,960	93,895,537,385	48
II	Chi phí				
1	Chi phí hoạt động tài	7,827,796,977	13,479,811,340	(5,652,014,363)	(42)
2	Giá vốn hàng bán	217,455,020,783	246,774,125,620	(29,319,104,837)	(12)
3	Chi phí bán hàng	21,929,706,799	23,947,956,290	(2,018,249,491)	(8)
4	Chi phí quản lý	44,425,088,708	53,077,242,150	(8,652,153,442)	(16)
	Cộng chi phí (1-4)	291,637,613,267	337,279,135,400	(45,641,522,133)	(14)
III	Thu nhập khác	18,436,749,331	10,175,012,840	8,261,736,491	81
IV	Lợi nhuận sau thuế	17,398,043,663	(132,635,347,980)	150,033,391,643	

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 tăng so với năm 2017 là do một số nguyên nhân chính như sau:

1. Do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng :

Nguyên nhân chủ yếu:

- Năm 2018 Công ty ký thêm hợp đồng với một số đại lý mới .
- Năm 2018 đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đã chính thức thông xe nên lượng khách đến Hạ long tăng.

2. Do chi phí giảm

Nguyên nhân chủ yếu: Năm 2018 Công ty đã sử dụng mọi biện pháp để cắt giảm chi phí như giảm chi phí điện nước, cắt giảm nhân công... do vậy chi phí giảm

3. Do thu nhập khác tăng:

Nguyên nhân chủ yếu: Năm 2018 Công ty thu được tiền bồi thường do khách hàng không thực hiện đúng hợp đồng thuê nhà Đa năng của Công ty (Xem thêm thuyết minh số 13 và 24 trong thuyết minh báo cáo tài chính).

Doanh thu tăng, chi phí giảm do vậy lợi nhuận sau thuế năm 2018 tăng so với năm 2017.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần quốc tế Hoàng gia, Kính trình Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và các nhà đầu tư được biết.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Tổng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ